

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 01 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Vô
2. Bà Trần Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:** Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Minh L, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ thường trú: Số C A, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Tạm trú: Số A đường B Khu dân cư H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ thường trú: Số C A, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Tạm trú: Số F G, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn - ông Phạm Minh L trình bày:*

Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O đăng ký kết hôn ngày 11/10/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống khá hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2019 trở về thì sau thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Hai vợ chồng có quan điểm sống trái ngược nhau, không thể dung hòa được. Từ đó dẫn đến việc thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, không khí gia đình ngày càng trở nên căng thẳng, ngột ngạt. Trên danh nghĩa là vợ chồng nhưng từ lâu cả hai đã không còn coi nhau là vợ chồng, không ai tôn trọng, quan tâm đến ai. Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông Phạm Minh L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O.

Về con chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O có 02 (hai) con chung là Phạm Hoàng L1 (nam), sinh ngày 06/5/2002 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007. Ông Phạm Minh L giao trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Minh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Trong quá trình tố tụng bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim O không đến Tòa án theo các giấy triệu tập nhưng có gửi bản tự khai ngày 19/12/2023 đã được Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E chứng thực chữ ký. Nội dung bản tự khai, bà O trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Phạm Minh L đăng ký kết hôn ngày 11/10/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01. Vợ chồng đã ly thân từ tháng năm 2019 cho đến nay nên với yêu cầu ly hôn hiện nay của ông L, bà O hoàn toàn đồng ý.

Bà Nguyễn Thị Kim O xác nhận hai vợ chồng có 02 (hai) con chung là Phạm Hoàng L1 (nam), sinh ngày 06/5/2002 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007. Bà Nguyễn Thị Kim O đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007, không yêu cầu ông Phạm Minh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà O và ông L sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà O khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim O có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của các đương sự trong các bản tự khai đề xuất Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L, về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O; về con chung: Giao trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim O là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông Phạm Minh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết. Về nợ chung: không có nên Tòa án không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Phạm Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O, do đó xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy bà O hiện đang cư trú tại số F G, Phường A, Quận E. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn - ông Phạm Minh L và bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim O đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Minh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01 ngày 11/10/2001 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà O đều có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi triệu tập làm việc và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Như vậy, ông L và bà O hiện nay đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, không còn muốn cho nhau cơ hội để đoàn tụ. Bên cạnh đó, cả ông L và bà O cũng đã có bản khai xác nhận ông bà đã ly thân nhiều năm nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà O là không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O đều khai xác nhận có 02 người con chung là Phạm Hoàng L1 (nam), sinh ngày 06/5/2002 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007. Đối với người con chung là Phạm Hoàng L1 (nam), sinh ngày 06/5/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007, Hội đồng xét xử xét thấy ông L đã có lời khai giao người con tên Phạm Minh V cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, bà O cũng có bản khai đồng ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung là Phạm Minh V, không yêu cầu ông Phạm Minh L cấp dưỡng nuôi con chung. Trẻ Phạm Minh V cũng đã có bản tự khai cùng ngày 19/12/2023 với nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Kim O. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự thống nhất của ông L, bà O; giao người con chung là trẻ Phạm Minh V cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà O không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông L.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O đều tự khai xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O đều tự khai xác nhận không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Phạm Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh L.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Minh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O (Giấy chứng nhận kết hôn số: 134, quyển số 01 ngày 11 tháng 10 năm 2001 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O có 02 (hai) người con chung là Phạm Hoàng L1 (nam), sinh ngày 06/5/2002 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007. Đối với người con chung là Phạm Hoàng L1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao người con chung là trẻ Phạm Minh V (nam), sinh ngày 22/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Phạm Minh L do bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O tự khai tự thỏa thuận về tài sản chung và đề nghị Tòa án không giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O tự khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Minh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0010808 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã thực hiện xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Minh L và bà Nguyễn Thị Kim O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.



Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Nơi*

*nhận:* **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN**

- TAND Tp. HCM;  
- VKSND Quận 5;  
- Chi cục THADS Quận 5;  
- UBND P1, Q5 (Giấy CNKH số: 134, quyền số  
01 ngày 11/10/2001)

**Đỗ Thị Ngọc Bích**

- Các đương sự;  
- Lưu: VP, hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**L2**

**Đỗ Thị Ngọc B**